| TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO<br>TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 38/2019/KDTM-PT
Ngày 23 - 7 - 2019
V/v: Tranh chấp quyền sở hữu vốn góp thành lập Công ty cổ phần

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Huyền Vân

*Các Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Vũ Ngọc Huynh

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Ngọc Lãm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 60/2018/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 10 năm 2018 về việc "Tranh chấp quyền sở hữu vốn góp thành lập công ty cổ phần".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 24 tháng 08 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1279/2019/QĐPT-KDTM ngày 27 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ông Bùi Thanh Ng, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Số 95B đường Ng, phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

*2. Bị đơn:* Công ty Cổ phần Bê tông Tr. Trụ sở: Số 214A, ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật có ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964. Chức vụ: Giám đốc. Nơi cư trú: Số 80A/26 Phó Cơ Điều, phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Đặng Văn Tr, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Số 380/22, ấp Th, xã

Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, (vắng mặt).

3.2. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng C. Trụ sở: Số 107/3, Phạm Hùng, phường 9, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật có ông Nguyễn Việt Th, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Số 196 đường Lê Thái Tổ, phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th có ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Số 80A/26 Phó Cơ Điều, phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long ( có mặt). (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 23/4/2018 BL số 478)

3.3. Ông Nguyễn Việt Th, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Số 196 đường Lê Thái Tổ, phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3.4. Ông Lê Văn S, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Số 57A Võ Thị Sáu, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3.5. Ông Lâm Quang H, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Số 57B, đường Võ Thị Sáu, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3.6. Ông Trần Trọng H, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Tổ 7A, tổ dân phố 2, thị trấn Krông năng, huyện Krông năng, tỉnh Đaklak.

3.7. Ông Trần Thành H, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Số 12 đường 14/9, phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Việt Th, ông Lê Văn S, ông Lâm Quang H, ông Trần Trọng H, ông Trần Thành H có ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Số 80A/26 Phó Cơ Điều, phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt. (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 23/4/2018 Bút lục số 452, Bút lục số 670-672).

*Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Bùi Thanh Ng.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2016 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Bùi Thanh Ng trình bày*:

Vào năm 2004, ông Bùi Thanh Ng và Đặng Văn Tr thống nhất thỏa thuận thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn Tr (gọi tắt là Công ty Tr) trong đó ông Ng góp 40% cổ phần, Đặng Văn Tr góp 30% cổ phần, Đặng Thị Hương (em ruột ông Tr) góp 30% cổ phần, được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp giấy phép kinh doanh với nội dung đăng ký kinh doanh xây lắp, xây dựng, mua bán vật liệu xây dựng.

Đến ngày 10/4/2008, ông Ng và ông Tr, bà Hương thống nhất thành lập thêm một công ty mới là Công ty Cổ phần Bê tông Tr (gọi tắt là Công ty bê tông Tr) trong đó Công ty Tr góp 50% cổ phần tương đương số tiền góp vốn là 5.000.000.000đồng và cá nhân ông Ng và ông Tr mỗi người góp 20% cổ phần tương đương số tiền góp vốn là 2.000.000.000đồng, Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng C góp 10% cổ phần tương đương số tiền góp vốn là 1.000.000.000đồng,

lúc này giao cho ông Trần Thành H làm Chủ tịch hội đồng quản trị và hội đồng quản trị thống nhất thuê ông Nguyễn Văn D làm giám đốc. Các cổ đông công ty đã góp đủ tiền mặt trong đó Công ty cổ phần đầu tư xây dựng C (gọi tắt là Công ty Cibico) góp vốn bằng cách cho thuê quyền sử dụng đất.

Danh sách cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Bê tông Tr lập ngày 02/10/2008 gồm 07 thành viên có ký tên xác nhận của ông D trong đó có ghi nhận ông Ng góp vốn 2.000.000.000 đồng. Theo báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Bê tông Tr lập ngày 05/11/2010 đã xác định vốn góp đầu tư đã đủ 10.000.000.000đồng. Chứng thư thẩm định giá định giá tài sản của Công ty Bê tông Tr là 8.195.000.000 đồng chưa bao gồm nhà làm việc và nhà giữ xe. Như vậy các cổ đông đã thực hiện xong việc góp vốn để thành lập Công ty bê tông Tr.

Đến ngày 08/10/2008, Công ty Tr chuyển 20% cổ phần của công ty cho Nguyễn Việt Th, Lê Văn S, Lâm Quang H. Do cổ đông thay đổi nên tháng 5/2009, Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp giấy phép đăng ký kinh doanh lần 2.

Tháng 12/2011, ông Ng đến Công ty Bê tông Tr thì bảo vệ của công ty không cho vào với lý do cổ phần của ông Ng đã sang tên cho ông Trần Trọng H. Ông Ng đến Công ty khiếu nại nhưng không ai giải quyết. Sau đó ông Ng khởi kiện tại Tòa án nhưng ông Đặng Văn Tr không đến Tòa án giải quyết nên ông Ng rút đơn khởi kiện để đăng báo tìm địa chỉ ông Tr. Khi tìm được địa chỉ ông Tr thì ông Ng tiếp tục khởi kiện tại Tòa án.

Nay ông Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận ông Ng là cổ đông sáng lập có sở hữu 20.000 cổ phần trị giá 2.000.000.000 đồng, chiếm 20% vốn điều lệ Công ty bê tông Tr. Căn cứ vào báo cáo tài chính của công ty hàng năm, ông Ng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Bê tông Tr phải trả cổ tức hàng năm cho ông Ng, tính từ năm 2009 đến năm 2016 là 1.135.663.344 đồng cụ thể là năm 2009 lợi nhuận là 1.791.891.105 đồng, năm 2010 lợi nhuận là 677.387.517 đồng, năm 2011 lợi nhuận 1.065.328.016 đồng, năm 2012 lợi nhuận 537.237.602 đồng, năm 2013 bị lỗ 269.840.560 đồng, năm 2014 lợi nhuận 565.367.683 đồng, năm 2015 lợi nhuận 957.392.547 đồng, năm 2016 lợi nhuận 353.552.811 đồng, tổng cộng là 5.678.316.721 đồng x 20% = 1.135.663.344 đồng.

*Tại bảng khai ý kiến và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Công ty Cổ phần Bê tông Tr có ông Nguyễn Văn D đại diện trình bày:*

Công ty Cổ phần Bê tông Tr được thành lập gồm bốn thành viên là cổ đông sáng lập gồm ông Bùi Thanh Ng, ông Đặng Văn Tr, Công ty trách nhiệm hữu hạn Tr (gọi tắt là công ty Tr), Công ty cổ phần đầu tư xây dựng C (gọi tắt là công ty Cibico), với vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng. Trong đó ông Ng đăng ký góp vốn là 2.000.000.000 đồng; ông Tr đăng ký góp vốn là 2.000.000.000 đồng; Công ty Tr đăng ký góp vốn là 5.000.000.000 đồng và Công ty Cibico

đăng ký góp vốn là 1.000.000.000 đồng. Sau đó, các cổ đông góp vốn cụ thể gồm:

+ Công ty cổ phần Tr góp vốn 50% bằng tài sản là máy móc thiết bị gồm dàn quay bê tông trị giá 1.400.000.000 đồng, cẩu trục dầm đôi trị giá 900.000.000 đồng, lò hơi đốt bằng than trị giá 900.000.000 đồng, máy uốn cắt sắt 200.000.000 đồng, lồng cuốn thép 200.000.000 đồng, san lắp mặt bằng 1.400.000.000 đồng tổng cộng trị giá bằng là 5.000.000.000 đồng. Có lập biên bản giao tài sản ngày 18/7/2008 (Bút lục 412).

+ Công ty Cibico góp vốn là 10% do ông Nguyễn Việt Th Chủ tịch hội đồng quản trị góp vốn là nhà làm việc 400.000.000 đồng, trạm trộn bê tông 350.000.000 đồng, nhà xe 150.000.000 đồng, trang thiết bị văn phòng gồm máy tính bàn ghế là 100.000.000 đồng, tổng cộng là 1.000.000.000 đồng. Có lập biên bản bàn giao tài sản ngày 18/7/2008 (Bút lục 413).

Riêng đối với cổ đông là ông Ng và ông Tr sau 90 ngày không có góp vốn nên ngày 18/3/2011 tại Đại hội cổ đông Công ty Bê tông Tr quyết định cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tr (đổi tên thành Công ty Cổ phần Tr) góp bù 40% cổ phần của ông Tr và ông Ng không thực hiện góp vốn và Công ty cổ phần Tr đã góp bằng tài sản nhà xưởng trị giá 1.096.201.000 đồng, trạm biến áp 851.000.000 đồng, 16 khuôn cống từ phi 300-phi 400, hàng rào công ty thoát nước, tổng trị giá là 4.007.707.000 đồng cho đủ vốn điều lệ.

Đến tháng 6 năm 2011 Công ty Bê tông Tr có gửi thông báo cho ông Ng đến công ty để thực hiện hoàn thành nghĩa vụ góp vốn nhưng ông Ng không đến.

Ngày 28/10/2011 thì Công ty Bê tông Tr mới chốt được cổ đông sáng lập gồm 07 thành viên gồm: Công ty Cổ phần Tr góp vốn 25% cổ phần, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng C góp 10% cổ phần; Ông Nguyễn Việt Th góp vốn 10% cổ phần; Ông Lê Văn S góp vốn 5% cổ phần; Ông Lâm Quang H góp vốn 5% cổ phần; Ông Trần Trọng H góp vốn 30% cổ phần; Ông Trần Thành H góp vốn 15% cổ phần. Năm 2013, Công ty Cổ phần Tr bán toàn bộ 25% cổ phần cho ông Trần Trọng H. Về việc chia cổ tức cho các cổ đông của Công ty Cổ phần Bê tông Tr được thực hiện từ năm 2012 đến nay.

Danh sách cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Bê tông Tr gồm 07 thành viên có ký tên xác nhận do nguyên đơn ông Ng cung cấp là thủ tục để đăng ký kinh doanh tại Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Vĩnh Long. Còn báo cáo tài chính năm 2009 xác định vốn góp đầu tư đã đủ 10.000.000.000 đồng là nguồn vốn kinh doanh bắt buộc phải bằng số tiền 10.000.000.000 đồng trên giấy phép kinh doanh, trong báo cáo tài chính có ghi các khoản phải thu khác là 3.000.000.000 đồng thể hiện trong bảng cân đối tài khoản năm 2009. Chứng thư thẩm định giá và giá trị tài sản thực là khác nhau. Như vậy danh sách cổ đông sáng lập, chứng thư thẩm định giá và bảng cân đối tài khoản năm 2009 không phải là căn cứ xác định vốn góp của ông Ng.

Do đó, Công ty Cổ phần Bê tông Tr không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thanh Ng. Ngoài ra, bị đơn yêu cầu Tòa án xác định lại tính pháp lý của việc khởi kiện, thời hiệu khởi kiện vì thời hạn giải quyết kéo dài đã lâu. Bị đơn Công ty Bê tông Tr không có yêu cầu gì khác.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Việt Th, Lê Văn S, Lâm Quang H, Trần Trọng H, Trần Thành H có ông Nguyễn Văn D đại diện trình bày:* Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thanh Ng và không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

*Tại bản tự khai lập ngày 27/7/2018 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn Tr trình bày:* Ông Tr xác định ông không phải là thành viên của Công ty Cổ phần Bê tông Tr do ông không thực hiện góp vốn như đăng ký. Ông Đặng Văn Tr yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

***Tại Bản án sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 24/8/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:***

Căn cứ vào khoản 4 Điều 30 và khoản 1 Điều 37; Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất "Những quy định chung" của Bộ luật tố tụng Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1, khoản 3 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 29, Điều 84, Điều 93 Luật Doanh nghiệp năm 2005; Khoản 5 Điều 23 Nghị định số 102/2010/NĐ-CP Ngày 01/10/2010 của Chính phủ "Hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của luật Doanh nghiệp".

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh Ng yêu cầu xác định ông Ng sở hữu 20.000 cổ phần trị giá 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) chiếm 20% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Bê tông Tr.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Thanh Ng yêu cầu Công ty Cổ phần Bê tông Tr chia trả cổ tức cho ông Ng từ năm 2009 đến năm 2016 bằng tổng số tiền là 1.135.663.344đồng (Một tỷ một trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm bốn mươi bốn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/9/2018, nguyên đơn ông Bùi Thanh Ng kháng cáo toàn bộ bản án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Tại phiên tòa các nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu của mình nên

không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Bùi Thanh Ng khởi kiện tranh chấp với Công ty Cổ phần Bê tông Tr (sau đây gọi tắt là Công ty Bê tông Tr) liên quan đến thành lập công ty thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 4 Điều 30 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Ng khởi kiện hai yêu cầu: Buộc Công ty cổ phần Bê tông Tr trả phần vốn góp sở hữu 20.000 cổ phần trị giá 2.000.000.000 đồng, chiếm 20% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Bê tông Tr. Buộc công ty cổ phần Bê tông Tr phải trả cổ tức hàng năm từ 2008-2016 là 1.1135.663.344 đồng.

Theo hồ sơ vụ án thể hiện: Năm 2008 công ty Bê tông Tr thành lập. Sau đó, công ty Bê tông Tr họp đại hội cổ đông và thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D khai quá trình họp có điện thoại báo cho ông Ng nhưng ông Ng vẫn không đến họp. Khi ông Ng không đến họp công ty vẫn tiến hành họp bình thường và đã chuyển nhượng phần vốn góp cũng như thực hiện các thủ tục chuyển tên từ ông Ng sang cho những người khác.

Ông Ng khai không được thông báo về việc chuyển nhượng vốn góp của ông trong khi ông đã nộp đủ 2.000.000.000 đồng có chữ ký của tất cả những thành viên trong danh sách cổ động sáng lập công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của bị đơn xác nhận rằng có lỗi trong quá trình triệu tập ông Ng đến họp. Khi triệu tập ông Ng, công ty có gọi điện thoại mà không gửi giấy mời họp theo đúng quy định pháp luật. Ông Ng khai trước tòa không được triệu tập làm ông mất quyền lợi. Công ty không triệu tập ông mà tự ý loại ông ra khỏi danh sách cổ đông làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông về phân chia lợi nhuận. Ngoài ra, ông khai có đưa số tiền 2.000.000.000 đồng cho phía công ty nhưng sơ thẩm chưa cho hai bên tiến hành đối chất.

Như vậy, lời khai của phía bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm thừa nhận có sai sót trong việc họp hội đồng thành viên khi loại ông Ng ra khỏi danh sách cổ đông. Việc này đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông về phân chia cổ tức.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng lời thừa nhận của phía bị đơn là tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm, cấp sơ thẩm không có lỗi. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự cần hủy toàn bộ bản án để xem xét lại vụ án theo trình tự thủ tục chung.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị huỷ nên ông Bùi Thanh Ng không phải chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310; Khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Thanh Ng.

Huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 24 tháng 08 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Chuyển toàn bộ hồ sơ về cho Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí kinh doanh thương mại:

Án phí phúc thẩm: Ông Bùi Thanh Ng không phải chịu được nhận lại 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001076 ngày 06/9/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND tỉnh Vĩnh Long (1);
– VKSND tỉnh Vĩnh Long (1);
– Cục THADS tỉnh Vĩnh Long (1);
– Các đương sự (4);
– Lưu: hồ sơ (1),VP(3),14b (TTPT);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Huyền Vân**

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.